

Bản án số: 214/2024/DS-ST.

Ngày: 30 - 9 - 2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Trí
- Bà Nguyễn Thị Nữ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 598/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 598/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc Minh N, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số G đường P, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Hồng N1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số B, Tô C, Khu phố F, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/3/2024. Có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thế Q, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số B, đường C, Tổ A, Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Việt T, sinh năm 1974;

3.2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1977;

Cùng nơi cư trú: Số D, đường C, Khu phố G, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do đại diện hợp pháp là ông Bùi Hồng N1 trình bày:

Ngày 13/09/2019, ông Bùi Ngọc Minh N có cho ông Nguyễn Thế Q vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ông N đã giao số tiền trên cho ông Nguyễn Thế Q tại địa chỉ số B, đại lộ B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hai bên thỏa thuận đến ngày 10/3/2020 (03 tháng kể từ ngày 13/09/2019) ông Nguyễn Thế Q phải trả lại cho ông N số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 05/01/2020, ông Q tiếp tục vay thêm của ông N 10.000.000đồng và hứa sẽ hoàn trả tổng cộng 40.000.000đồng cho ông N vào ngày 10/3/2020. Tuy nhiên, cho đến nay ông Nguyễn Thế Q vẫn chưa trả cho ông N số tiền trên.

Ngày 26/3/2024, ông N có gửi Thông báo đòi nợ đến ông Q và yêu cầu ông Q hoàn trả lại số tiền 40.000.000đồng nhưng đến nay, ông Q vẫn chưa trả. Nhận thấy, việc ông Nguyễn Thế Q cố tình không trả số tiền nêu trên là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Thế Q phải trả cho ông Bùi Ngọc Minh N số tiền 40.000.000đồng nêu trên và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/3/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là khoảng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng (với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0.83%/tháng trên số tiền vay bốn mươi triệu đồng).

Để đảm bảo cho việc thanh toán số tiền vay ông Nguyễn Thế Q có giao cho ông Bùi Ngọc Minh N giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 926088, số vào sổ CS06542 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 18/02/2019 cho ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H. Ông N sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Q.

Bị đơn ông Nguyễn Thế Q: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn ông Nguyễn Thế Q tại địa chỉ số B, đường C, Tổ A, Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhưng bị đơn ông Q cũng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H tại địa chỉ số D, đường C, Khu phố G, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H

vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện Kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Ngọc Minh N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Thế Q. Căn cứ biên bản xác minh tại Công an phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương xác định ông Nguyễn Thế Q hiện cư trú và sinh sống tại địa chỉ số B, đường C, Tổ A, Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn về việc xác định đang lưu giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 926088, số vào sổ CS06542 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 18/02/2019 cho ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H nên Tòa án đã đưa ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thế Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai xem như đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Hồng N1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung, xét thấy Giấy mượn nợ ngày 13/9/2019 thể hiện ông Nguyễn Thế Q có mượn của ông Bùi Ngọc Minh N số tiền 30.000.000đồng và ngày 05/01/2020 có nhận thêm 10.000.000đồng, có chữ ký chữ viết họ tên của

ông Nguyễn Thế Q mỗi lần nhận tiền. Như vậy, có căn cứ xác định việc ông Q có vay của ông N tổng số tiền 40.000.000đồng là có căn cứ đúng thực tế. Đồng thời, để làm tin ông Q có giao cho ông N giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 926088, số vào sổ CS06542 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 18/02/2019 cho ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thế Q phải trả tổng số tiền nợ gốc là 40.000.000đồng theo quy định tại Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Mặc dù, Giấy mượn nợ ngày 13/9/2019 không thể hiện cụ thể thời hạn trả đối với khoản vay 30.000.000đồng nhưng phía cuối giấy mượn nợ có nội dung: “13/9 -13/12: 03 tháng tính trên 30tr” và “13/12 – 13/01/2020: 27 ngày tính trên 30tr” nên có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của nguyên đơn xác định khoản vay 30.000.000đồng là khoản vay có thời hạn. Đối với số tiền 10.000.000đồng vay thêm ngày 05/01/2020 nguyên đơn cho rằng hai bên thỏa thuận đến ngày 10/3/2020 sẽ trả toàn bộ số tiền vay 40.000.000đồng nhưng không có căn cứ chứng minh nên cần xác định khoản vay 10.000.000đồng là khoản vay không có thời hạn.

[4] Xem xét yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn đối với toàn bộ số tiền 40.000.000đồng kể từ ngày 10/3/2020, nhận thấy Giấy mượn nợ ngày 13/9/2019 không có thỏa thuận về lãi suất vay nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Cụ thể:

Tiền lãi đối với số tiền 30.000.000đồng là: $30.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 56\text{ tháng } 19\text{ ngày (từ ngày 11/01/2020 đến ngày 30/9/2024)} = 14.101.700\text{ đồng.}$

Tiền lãi đối với số tiền 10.000.000đồng là: $10.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 5\text{ tháng } 18\text{ ngày (từ ngày 12/4/2024 đến ngày 30/9/2024)} = 464.800\text{ đồng.}$

Tổng cộng: 14.566.500đồng.

Do đó, bị đơn ông Nguyễn Thế Q còn phải thanh toán tổng số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm cho ông Bùi Ngọc Minh N là 14.566.500đồng.

[5] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 926088, số vào sổ CS06542 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 18/02/2019 cho ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H, quá trình giải quyết vụ án, ông N thừa nhận chính ông Q đã giao cho ông giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Nay, ông N đồng ý trả lại cho chủ sử dụng là ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H sau khi ông Q thanh toán xong khoản nợ 40.000.000đồng cho ông N. Tuy nhiên, việc thỏa thuận và chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N và ông Q là không đúng quy định pháp luật nên cần buộc ông Bùi Ngọc Minh N phải giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng là ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H. Trường hợp, giữa ông Lê Viết T, bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Thế Q có tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất trên sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thế Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Ngọc Minh N đối với bị đơn ông Nguyễn Thế Q về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Thế Q có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Ngọc Minh N tổng số tiền vay gốc là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo Giấy mượn nợ ngày 13/9/2019.

Buộc ông Nguyễn Thế Q phải trả cho ông Bùi Ngọc Minh N tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 14.566.500đồng (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng: 54.566.500đồng (Năm mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Buộc ông Bùi Ngọc Minh N phải giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 926088, số vào sổ CS06542 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 18/02/2019 cho ông Lê Viết T và bà Vũ Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thế Q phải chịu số tiền 2.728.325đồng (Hai triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

Hoàn trả ông Bùi Ngọc Minh N số tiền 1.375.000đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002099 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duy Nhân